

Bản án số: 150/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Cung
2. Bà Hoàng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTN - Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh ĐVT - Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị NTN, vắng mặt anh ĐVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2019, bản tự khai ngày 10/6/2019 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị NTN trình bày: Chị và anh ĐVT kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/10/2004 tại UBND xã P, huyện Yên Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ĐVT bài bạc và có quan hệ ngoại tình, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống.

Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên ngày 10/01/2019 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó cho đến nay vợ chồng ly thân không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị NTN xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh ĐVT.

Về con chung: Chị NTN xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Đức Dũng, sinh ngày 12/8/2005 và cháu Đỗ Văn An, sinh ngày 30/3/2009. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đỗ Văn An, anh ĐVT nuôi dưỡng cháu Đỗ Đức Dũng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị NTN xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh ĐVT trình bày: Anh và chị NTN kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/10/2004 tại UBND xã P, Yên Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, chị NTN cho rằng anh chơi bời cờ bạc không quan tâm đến gia đình vợ con nên không còn tin tưởng anh, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn kéo dài làm tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Chị NTN đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2019 đến nay, không quan tâm gì đến anh.

Nay chị NTN yêu cầu ly hôn, anh vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh ĐVT xác định vợ chồng có 02 con chung như chị NTN trình bày là đúng. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh cũng thống nhất với ý kiến của chị NTN, đề nghị giao cháu Đỗ Đức Dũng cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Văn An cho chị NTN trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh ĐVT xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị NTN, đề nghị xử cho chị NTN được ly hôn anh ĐVT.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Dũng cho anh ĐVT trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu An cho chị NTN trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh ĐVT là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn Bùi Hạ 1, xã P, huyện Yên Định, nên việc chị NTN yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Ngày 21/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã mở phiên tòa xét xử, anh ĐVT đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa.

Ngày 19/9/2019, Tòa án mở lại phiên tòa, anh ĐVT đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh ĐVT.

[2] Về hôn nhân: Chị NTN và anh ĐVT kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Yên Định ngày 24/10/2004, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rồi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ vào kết quả xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp cũng như quá trình giải quyết vụ án thấy rằng: Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, chị NTN cho rằng anh ĐVT chơi bời cờ bạc không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, chị NTN đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần, lần cuối cùng là vào ngày 10/01/2019, từ đó đến nay vợ chồng ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Mặc dù anh ĐVT có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ, nhưng anh lại không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa chị NTN vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị NTN và anh ĐVT đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị NTN, xử cho chị được ly hôn anh ĐVT.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị NTN và anh ĐVT có 02 con chung là cháu Đỗ Đức Dũng, sinh ngày 12/8/2005 và cháu Đỗ Văn An, sinh ngày 30/3/2009. Mặc dù tại phiên tòa anh ĐVT vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất được về việc nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Tại phiên tòa chị NTN vẫn giữ nguyên quan điểm về vấn đề con chung, do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị NTN để giao cháu Đỗ Đức Dũng cho anh ĐVT trực tiếp nuôi dưỡng, và giao cháu Đỗ Văn An cho chị NTN trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị NTN phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị NTN được ly hôn anh ĐVT.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Đức Dũng, sinh ngày 12/8/2005 cho anh ĐVT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Văn An, sinh ngày 30/3/2009 cho chị NTN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị NTN và anh ĐVT có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị NTN phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2015/0003262 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (Chị NTN đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị NTN được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh ĐVT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- UBND xã P, Yên Định;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng